



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN
GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 26
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh báo cáo tài chính	09 - 26

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội

Tầng 4, Toà Diamond Flower, số 48 phố Lê Văn Lương, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103488607 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 2009 và các lần thay đổi, đến nay lần cấp thay đổi gần nhất (lần 9) vào ngày 06 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, Toà Diamond Flower, số 48 phố Lê Văn Lương, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quang Vinh	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Hồng	Ủy viên
Bà Nguyễn Hiền Trang	Ủy viên
Ông Phạm Đình Lượng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Lan	Ủy viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Hồng	Giám đốc
Bà Nguyễn Hiền Trang	Phó Giám đốc
Ông Phạm Đình Lượng	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo tài chính này là: Bà Phạm Thị Hồng - Giám đốc.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Hoàng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Phạm Việt Quang	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội

Tầng 4, Toà Diamond Flower, số 48 phố Lê Văn Lương, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ("Công ty") được lập ngày 03 tháng 02 năm 2026, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0063-2023-002-1
Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2026



Nguyễn Trường Minh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2290-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		36.510.062.795	41.432.099.086
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	20.726.588.326	3.369.669.618
111	1. Tiền		10.726.588.326	3.369.669.618
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		10.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	10.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.517.788.530	37.471.364.677
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	6.587.319.763	38.959.614.209
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	89.780.166	16.081.120
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	213.629.253	76.400.000
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.372.940.652)	(1.580.730.652)
140	IV. Hàng tồn kho	9	241.613.860	591.064.791
141	1. Hàng tồn kho		241.613.860	591.064.791
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		24.072.079	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	24.072.079	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		22.436.197.942	22.125.798.403
220	I. Tài sản cố định		21.938.872.105	22.046.947.055
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	21.938.872.105	22.046.947.055
222	- Nguyên giá		30.704.672.528	30.666.665.527
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.765.800.423)	(8.619.718.472)
260	II. Tài sản dài hạn khác		497.325.837	78.851.348
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	497.325.837	78.851.348
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		58.946.260.737	63.557.897.489

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		17.299.533.445	22.599.777.729
310	I. Nợ ngắn hạn		17.299.533.445	22.599.777.729
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	6.180.816.742	12.291.510.937
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	20.000.000	70.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	7.170.531.194	5.941.317.594
314	4. Phải trả người lao động		3.584.370.792	3.598.072.938
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		112	60.653.362
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		343.814.605	638.222.898
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		41.646.727.292	40.958.119.760
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	41.646.727.292	40.958.119.760
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		25.000.000.000	25.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(110.000.000)	(110.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.732.594.753	9.357.619.614
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.024.132.539	6.710.500.146
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		7.024.132.539	6.710.500.146
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		58.946.260.737	63.557.897.489



Ma Thị Thu
Người lập biểu



Phạm Gia Huy
Kế toán trưởng


Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	101.454.275.210	103.628.291.468
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	25.486.860	49.337.340
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		101.428.788.350	103.578.954.128
11	4. Giá vốn hàng bán	19	60.284.205.287	64.287.412.429
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		41.144.583.063	39.291.541.699
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	591.893.523	86.896.713
25	7. Chi phí bán hàng	21	9.505.850.592	9.690.713.677
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	23.130.772.032	20.498.787.922
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.099.853.962	9.188.936.813
31	10. Thu nhập khác	23	650.848.431	36.762.475
32	11. Chi phí khác	24	475.451.467	207.098.146
40	12. Lợi nhuận khác		175.396.964	(170.335.671)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.275.250.926	9.018.601.142
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	2.251.118.387	2.216.015.087
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	92.085.909
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>7.024.132.539</u>	<u>6.710.500.146</u>
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	1.469	1.350



Ma Thị Thu
Người lập biểu



Phạm Gia Huy
Kế toán trưởng





Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		9.275.250.926	9.018.601.142
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.489.527.406	1.758.651.977
03	- Các khoản dự phòng		(207.790.000)	92.118.969
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.164.672.983)	(86.896.713)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		9.392.315.349	10.782.475.375
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		32.357.338.750	(28.290.384.620)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		349.450.931	3.124.030.137
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(4.172.014.615)	(702.745.057)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(442.546.568)	1.299.496.823
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.084.939.763)	(1.313.514.584)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15.000.000	53.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.644.933.300)	(4.800.998.991)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		30.769.670.784	(19.848.640.917)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(1.381.452.456)	(162.343.055)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		572.779.460	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(20.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000	5.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		395.920.920	162.937.809
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(10.412.752.076)	5.000.594.754
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.000.000.000)	(3.250.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.000.000.000)	(3.250.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		17.356.918.708	(18.098.046.163)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.369.669.618	21.467.715.781
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	20.726.588.326	3.369.669.618



Ma Thị Thu
Người lập biểu



Phạm Gia Huy
Kế toán trưởng





Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103488607 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 2009 và các lần thay đổi, đến nay lần cấp thay đổi gần nhất (lần 9) vào ngày 06 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, Toà Diamond Flower, số 48 phố Lê Văn Lương, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 VND, tương đương 2.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 94 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 98 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến hoạt động xuất bản giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động xuất bản khác: Thực hiện các dịch vụ xuất bản; tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa, chế bản các xuất bản phẩm và các tài liệu khác; phát hành các xuất bản phẩm; tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa, chế bản sách giáo khoa, sách giáo trình, sách bổ trợ, sách tự chọn, sách tham khảo, sách điện tử, đĩa CD;
- In ấn: In các xuất bản phẩm;
- Dịch vụ liên quan đến in: sửa bản in, đính chính bản in, thẩm định bản thảo, hoàn thiện bản thảo;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Thực hiện dịch vụ bản quyền tác giả;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: tư vấn và cung cấp dịch vụ thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dụng và phương tiện dạy học;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác: dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm ngành in ấn chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: Tổ chức hội chợ, triển lãm, trưng bày giới thiệu các xuất bản phẩm; dịch vụ tổ chức hội thảo, hội nghị;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Mở trường học, dạy nghề cho tất cả các cấp học, bậc học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); khai thác, cung cấp dịch vụ, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Bán buôn chuyên doanh khác: buôn bán nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông; kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng: Dịch vụ quản lý, vận hành các công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng các công trình dân dụng, khu đô thị;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng;
- Hoạt động tư vấn quản lý: Quản lý dự án xuất bản.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Trong năm 2025, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Các quy định của Thông tư 99/2025/TT-BTC sẽ được Công ty áp dụng kể từ thời điểm văn bản có hiệu lực thi hành, tức là từ ngày 01/01/2026 và dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: giá trị dở dang cuối năm là các chi phí phát sinh thực tế của các hợp đồng dịch vụ làm sách, biên soạn, tổ chức bản thảo... chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao nhanh bằng 2 lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng cho toàn bộ Tài sản cố định (không bao gồm văn phòng làm việc). Theo đó, Công ty đã ban hành công văn số 07/CV-HEPS ngày 14/01/2025 gửi cục thuế thành phố Hà Nội về áp dụng phương pháp khấu hao nhanh.

2.9 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí thuê kho được ghi nhận theo giá thuê và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 đến 36 tháng.

2.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

2.13 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.15 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19 Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là sản xuất, thương mại, dịch vụ liên quan đến hoạt động xuất bản giáo dục và lãnh thổ duy nhất là Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	910.131.949	796.258.230
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.816.456.377	2.573.411.388
Các khoản tương đương tiền (i)	10.000.000.000	-
	20.726.588.326	3.369.669.618

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 10.000.000.000 VND được gửi tại ngân hàng TMCP Quân Đội với lãi suất 4,75 %/năm.

4 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	10.000.000.000	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	-	-	-
	10.000.000.000	-	-	-

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	3.938.814.579	-	35.983.609.554	-
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	-	31.078.238.923	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	145.577.938	-	3.024.867.788	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	990.136.578	-	1.271.528.378	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	1.022.713.803	-	279.108.865	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	52.260.000	-	33.812.600	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	807.533.000	-	279.415.000	-
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	132.436.500	-	16.638.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	788.156.760	-	-	-
Bên khác	2.648.505.184	(1.372.940.652)	2.976.004.655	(1.580.730.652)
Công ty CP Gia Lai	563.047.190	(563.047.190)	563.047.190	(563.047.190)
Các khách hàng khác	2.085.457.994	(809.893.462)	2.412.957.465	(1.017.683.462)
	6.587.319.763	(1.372.940.652)	38.959.614.209	(1.580.730.652)

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty CP Nội Thương Bắc	-	-	15.000.000	-
Các người bán khác	89.780.166	-	1.081.120	-
	89.780.166	-	16.081.120	-

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	195.972.603	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	17.656.650	-	-	-
Kinh phí công đoàn	-	-	76.400.000	-
	213.629.253	-	76.400.000	-

8 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Gia Lai CTC	563.047.190	-	563.047.190	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Giang	207.790.000	-	415.580.000	-
Công ty CP Viễn thông Tinh Vân	250.000.000	-	250.000.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Sơn La	301.118.980	-	301.118.980	-
Các đối tượng khác	50.984.482	-	50.984.482	-
	1.372.940.652	-	1.580.730.652	-

9 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	5.026.542	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	118.039.807	-	134.057.527	-
Thành phẩm	116.415.803	-	450.144.450	-
Hàng hoá	7.158.250	-	1.836.272	-
	241.613.860	-	591.064.791	-

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	24.072.079	-
	24.072.079	-
b) Dài hạn		
Chi phí mua bảo hiểm nhân thọ	464.805.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	32.520.837	78.851.348
	497.325.837	78.851.348

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	25.160.884.717	4.093.642.728	1.412.138.082	30.666.665.527
Mua trong năm	-	1.346.452.456	35.000.000	1.381.452.456
Thanh lý, nhượng bán	-	1.343.445.455	-	1.343.445.455
Số dư cuối năm	25.160.884.717	4.096.649.729	1.447.138.082	30.704.672.528
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	4.072.979.231	3.329.699.049	1.217.040.192	8.619.718.472
Khấu hao trong năm	505.099.536	801.345.136	183.082.734	1.489.527.406
Thanh lý, nhượng bán	-	1.343.445.455	-	1.343.445.455
Số dư cuối năm	4.578.078.767	2.787.598.730	1.400.122.926	8.765.800.423
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	21.087.905.486	763.943.679	195.097.890	22.046.947.055
Tại ngày cuối năm	20.582.805.950	1.309.050.999	47.015.156	21.938.872.105

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 4.078.577.755 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 2.201.925.937 VND).

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.744.829.433	1.744.829.433	4.880.565.414	4.880.565.414
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	1.564.829.433	1.564.829.433	4.877.851.014	4.877.851.014
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	180.000.000	180.000.000	2.714.400	2.714.400
Bên khác	4.435.987.309	4.435.987.309	7.410.945.523	7.410.945.523
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ in Toàn Cầu	927.600.000	927.600.000	462.000.000	462.000.000
Các người bán khác	3.508.387.309	3.508.387.309	6.948.945.523	6.948.945.523
	6.180.816.742	6.180.816.742	12.291.510.937	12.291.510.937

13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Nguyễn Duy Ánh	-	50.000.000
Trịnh Liên Hương	20.000.000	20.000.000
	20.000.000	70.000.000

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.262.536.424	-	1.047.266.418
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.522.803.585	-	688.982.209
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.155.977.585	-	5.434.282.567
	-	5.941.317.594	-	7.170.531.194

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	25.000.000.000	(110.000.000)	6.621.920.694	11.037.577.811	42.549.498.505
Lãi trong năm trước	-	-	-	6.710.500.146	6.710.500.146
Chia cổ tức	-	-	-	(3.250.000.000)	(3.250.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.735.698.920	(2.735.698.920)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(551.878.891)	(551.878.891)
Số dư cuối năm trước	25.000.000.000	(110.000.000)	9.357.619.614	6.710.500.146	40.958.119.760
Lãi trong năm nay	-	-	-	7.024.132.539	7.024.132.539
Chia cổ tức	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	374.975.139	(374.975.139)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(335.525.007)	(335.525.007)
Số dư cuối năm nay	25.000.000.000	(110.000.000)	9.732.594.753	7.024.132.539	41.646.727.292

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 03 năm 2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		6.710.500.146
Trích Quỹ đầu tư phát triển	6%	374.975.139
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	45%	3.000.000.000
Chi trả cổ tức	45%	3.000.000.000
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	5%	335.525.007
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại		-

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	Tỷ lệ	01/01/2025 VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	11.088.130.000	44,35%	11.088.130.000	44,35%
Các cổ đông khác	13.911.870.000	55,65%	13.911.870.000	55,65%
	25.000.000.000	100%	25.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	25.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	25.000.000.000	25.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	3.000.000.000	3.250.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	3.000.000.000	3.250.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền trong năm	3.000.000.000	3.250.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	3.000.000.000	3.250.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.732.594.753	9.357.619.614
	<u>9.732.594.753</u>	<u>9.357.619.614</u>

16 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	54.730.500	45.000.000

17 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ tổ chức bản thảo	77.530.940.365	78.563.180.210
Doanh thu dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản	-	588.735.120
Doanh thu bán sách	5.518.249.567	6.193.045.560
Doanh thu nhuận bút	18.405.057.500	18.283.330.578
Doanh thu khác	27.778	-
	<u>101.454.275.210</u>	<u>103.628.291.468</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)	95.728.695.276	99.605.300.131

18 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	25.486.860	49.337.340
	<u>25.486.860</u>	<u>49.337.340</u>

19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn dịch vụ tổ chức bán thảo	35.933.104.322	41.016.854.116
Giá vốn bán sách	5.946.043.465	4.987.227.735
Giá vốn nhuận bút	18.405.057.500	18.283.330.578
	60.284.205.287	64.287.412.429
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	7.063.574.521	6.971.380.118
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)		

20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	591.893.523	86.896.713
	591.893.523	86.896.713

21 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân công	8.380.044.831	7.771.743.694
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	162.075.682	140.686.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	254.051.684	178.407.273
Chi phí khác bằng tiền	709.678.395	1.599.875.904
	9.505.850.592	9.690.713.677

22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân công	10.562.723.834	8.620.732.886
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	206.338.341	366.070.964
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.391.252.760	1.535.609.754
Thuế, phí và lệ phí	363.379.718	301.111.593
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(207.790.000)	92.118.969
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.065.434.574	1.991.042.652
Chi phí khác bằng tiền	8.749.432.805	7.592.101.104
	23.130.772.032	20.498.787.922

23 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	590.909.090	-
Thu từ thanh lý CCDC	9.068.172	563.630
Thu nhập khác	50.871.169	36.198.845
	650.848.431	36.762.475

24 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhượng bán và thanh lý tài sản cố định	18.129.630	-
Chi phí bản quyền vượt định mức của Nhà xuất bản	441.836.473	-
Tiền chậm nộp thuế	12.473.396	103.685.375
Các khoản phạt hành chính	-	60.000.000
Các khoản khác	3.011.968	43.412.771
	475.451.467	207.098.146

25 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	9.275.250.926	9.018.601.142
Các khoản điều chỉnh tăng	1.508.008.889	1.221.015.668
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	92.118.969
- Phạt chậm nộp và phạt vi phạm hành chính	12.473.396	163.685.375
- Thủ lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	130.500.000	126.000.000
- Chi phí bản quyền vượt định mức của Nhà xuất bản	441.836.473	-
- Thuế GTGT hàng biếu tặng	273.446.388	282.405.403
- Chi phí không được trừ khác	649.752.632	556.805.921
Các khoản điều chỉnh giảm	(207.790.000)	(460.429.546)
- Hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi đã trích	(207.790.000)	-
- Chi phí mua máy tính đã ghi nhận vào thu nhập chịu thuế năm trước	-	(460.429.546)
Thu nhập chịu thuế TNDN	10.575.469.815	9.779.187.264
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.115.093.963	1.955.837.453
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay (i)	136.024.424	260.177.634
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.522.803.585	620.303.082
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(3.084.939.763)	(1.313.514.584)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	688.982.209	1.522.803.585

(i) Trong năm 2025, Công ty điều chỉnh thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 liên quan đến các khoản chi không được trừ theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024.

26 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	7.024.132.539	6.710.500.146
Các khoản điều chỉnh :		
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành (i)	3.351.206.627	3.335.525.007
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.672.925.912	3.374.975.139
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.469	1.350

(i) Mức trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành năm 2025 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025, mức trích lập này sẽ được đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.026.542	21.934.458
Chi phí nhân công	44.418.435.434	44.080.034.043
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	625.067.727	1.580.515.296
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.489.527.406	1.758.651.977
Thuế, phí và lệ phí	413.973.155	301.433.995
Chi phí dự phòng	(207.790.000)	92.118.969
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.192.617.920	31.559.720.837
Chi phí khác bằng tiền	9.772.660.151	9.631.192.014
	88.709.518.335	89.025.601.589

28 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

29 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam ("NXBGDVN")	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể, công ty mẹ của Tập đoàn
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGDVN
Nhà Xuất bản Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGDVN
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	Trực thuộc NXBGDVN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Nhà Xuất bản Giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Trực thuộc NXBGDVN
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, những người quản lý khác của Công ty	Thành viên quản lý chủ chốt của Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	95.728.695.276	99.605.300.131
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	39.285.117.672	47.754.949.659
Nhà Xuất bản Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	-	20.338.640
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	13.714.079.100	11.887.930.450
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	8.539.247.450	13.980.667.800
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	18.234.450.962	8.971.699.674
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	3.399.400.000	150.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	451.643.360	568.396.480
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	7.605.695.300	11.346.076.628
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	191.347.832	72.468.000
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	52.260.000	33.812.600
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	52.000.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	4.203.453.600	4.818.960.200
Mua hàng hóa, dịch vụ	7.063.574.521	6.971.380.118
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	460.361.871	22.727.273
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	315.615.380	250.329.735
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	793.368.950	379.492.850
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	631.205.917	769.451.350
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	316.802.880	523.268.560
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	3.300.767.995	4.991.020.350
Công ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục Đà Nẵng	977.297.740	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	74.108.088	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	194.045.700	35.090.000
Cổ tức đã trả	1.801.575.600	1.951.706.900
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.330.575.600	1.441.456.900
Các cổ đông khác	471.000.000	510.250.000

Các điều kiện và điều khoản của giao dịch với bên liên quan

Các giao dịch với Công ty TNHH Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam ("NXBGDVN") chủ yếu được thực hiện theo các hợp đồng làm sách giáo dục mới và tái bản. Theo đó, Công ty được giao thực hiện tổ chức bản thảo, tổ chức bản thảo tái bản sách giáo dục theo quy trình làm sách của NXBGDVN đảm bảo tiêu chí chất lượng theo quy định. Giá hợp đồng đối với làm sách giáo dục mới được xác định căn cứ vào nội dung, định mức thanh toán chi phí tổ chức biên soạn sách giáo dục của NXBGDVN; đối với tổ chức tái bản sách giáo dục, giá hợp đồng được xác định căn cứ vào sản lượng sách phát hành, giá bìa và tỷ lệ thanh toán theo quy định. Giá trị hợp đồng sẽ được hai bên thống nhất, quyết toán thông qua các lần nghiệm thu cụ thể công việc thực tế phát sinh. NXBGDVN sẽ giữ quyền sở hữu trí tuệ đối với bản thảo của các loại sách giáo dục và các tài liệu, kết quả của việc thực hiện hợp đồng.

Đối với các giao dịch còn lại với các bên liên quan khác được thực hiện theo các mức giá và các điều khoản như các giao dịch thông thường được quy định trong các hợp đồng.

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Trần Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Bà Phạm Thị Hồng	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	696.335.921	692.191.485
Bà Nguyễn Thị Lan	Ủy viên HĐQT	46.500.000	32.000.000
Ông Quách Tất Kiên	Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20/04/2024)	-	16.000.000
Bà Nguyễn Hiền Trang	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	625.942.339	636.263.461
Ông Phạm Đình Lượng	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	635.264.300	610.073.778
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Phó Giám đốc	600.710.168	602.358.786
Ông Nguyễn Huy Hoàng	Trưởng Ban Kiểm soát	24.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Trà Giang	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 20/04/2024)	-	6.000.000
Ông Phạm Việt Quang	Thành viên Ban Kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên Ban Kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Ông Phạm Gia Huy	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 01/08/2024)	637.282.248	334.693.830
Bà Ma Thị Thu	Phụ trách kế toán (Miễn nhiệm từ ngày 01/08/2024)	-	86.227.745

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

30 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.



Ma Thị Thu
Người lập biểu



Phạm Gia Huy
Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng
Giám đốc
Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2026